

# CÁC KẾT HỢP BIỂU THỊ NGHĨA MỨC ĐỘ BÊN CẠNH NHÓM TỪ RẤT – QUÁ – LẮM

Nguyễn Thanh Phong<sup>1</sup> – Trần Thị Tâm<sup>2</sup>

## Tóm tắt

Văn nói, văn hội thoại tiếng Việt phản ánh tính đa dạng trong cách biểu hiện ngôn từ ngữ nghĩa của người Việt. Một đơn vị câu chuẩn (theo chuẩn ngữ pháp) có thể có nhiều biến thể kèm theo các yếu tố tình thái – hàm ngôn. Chúng tôi muốn tìm hiểu thêm hoạt động của các kiểu kết hợp có biểu thị ý nghĩa mức độ, bên cạnh nhóm từ *rất – quá – lắm*. Công việc này cũng như là một cố gắng muốn tìm hiểu thêm những kết hợp biểu thị mức độ thường dùng trong văn hội thoại, bên cạnh các từ chỉ mức độ thường được đề cập đến từ trước đến nay *rất – quá – lắm*.

**Từ khóa:** *rất, quá, lắm, các kết hợp biểu thị mức độ*

## 1. Đặt vấn đề

**1.1.** Văn nói, văn hội thoại tiếng Việt phản ánh tính đa dạng trong cách biểu hiện ngôn từ ngữ nghĩa của người Việt. Một đơn vị câu chuẩn (theo chuẩn ngữ pháp) có thể có nhiều biến thể kèm theo các yếu tố tình thái – hàm ngôn. Chúng tôi muốn tìm hiểu thêm hoạt động của các kết hợp có biểu thị ý nghĩa mức độ, bên cạnh nhóm từ *rất – quá – lắm*. Công việc này cũng như là một cố gắng muốn tìm hiểu thêm những kết hợp biểu thị mức độ thường dùng trong văn hội thoại, bên cạnh các từ chỉ mức độ thường được đề cập đến từ trước đến nay *rất – quá – lắm*.

Việc học ngoại ngữ không chỉ mang đến sự hiểu biết về một ngôn ngữ khác cho người học mà còn phục vụ cho một mục đích nào đó của họ. Dù mục đích có khác nhau nhưng điều căn bản khi học ngoại ngữ vẫn là kỹ năng vận dụng được ngôn ngữ ấy trong thực tế. Có những cách nói đúng ngữ pháp nhưng không gần với cách dùng của

---

<sup>1</sup> Thạc sĩ, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM

<sup>2</sup> Cử nhân, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM

người Việt. Câu theo mẫu sách vở nhiều khi được nói ra sẽ rất xa lạ với cách nói hàng ngày. Trong khi đó, văn hội thoại thể hiện được đồng thời cả sự giao tiếp lẫn mức độ lĩnh hội thông tin. Hội thoại cho phép sử dụng các thao tác cải biên, các kết cấu đồng nghĩa. Tuy để chỉ cùng một nội dung nhưng các kết cấu này lại có những yếu tố tình thái khác nhau. Đây có thể là điều bất lợi và khó khăn cho người học. Nhưng nếu được hiểu rõ, thì các yếu tố tình thái đó có thể là phương tiện giải mã nghĩa hàm ngôn của phát ngôn tiếng Việt. Trong câu, các yếu tố tình thái có thể thừa về cấu trúc nhưng lại thoả mãn về hoạt động giao tiếp.

**1.2.** Nhóm từ *rất – quá – lắm* có tần số xuất hiện tương đối cao, có vai trị biểu thị sự phán đoán về mức độ. Nhóm từ này đã được đề cập hoặc được phân tích kỹ trong nhiều sách ngữ pháp (Trần Trọng Kim, Lê Văn Lý, Đái Xuân Ninh, Nguyễn Kim Thản, Nguyễn Tài Cẩn, Hồng Tuệ, Nguyễn Hiến Lê,...). Riêng rất nhiều các *kết hợp biểu thị mức độ* thì vẫn chưa có một sự tổng hợp thỏa đáng, trong khi chúng được dùng khá nhiều trong khẩu ngữ, hay ngôn ngữ văn học.

## **2. Tóm lược về nhóm từ *rất – quá – lắm***

### **2.1. Về mặt ý nghĩa**

**2.1.1.** *Quá* và *lắm* có chung nét nghĩa chỉ *mức độ cao hơn hẳn bình thường*, bỏ nghĩa cho một số tính từ và động từ. *Lắm* đi sau tính từ hoặc động từ mà nó bỏ nghĩa; trong khi *quá* xuất hiện ở cả vị trí trước và sau động từ hoặc tính từ mà nó bỏ nghĩa. Khi *quá* đứng trước tính từ, mức độ mà nó biểu thị được nhấn mạnh hơn, thậm chí có nét tiêu cực. *Quá* và *lắm* có nghĩa cảm thán rõ ràng hơn, thường xuất hiện trong khẩu ngữ, hoặc trong ngôn ngữ văn học, bất kể tính từ và động từ có nghĩa tốt hay xấu.

**2.1.2.** *Rất* chỉ *mức độ cao*, bỏ nghĩa cho một số tính từ và động từ, nhưng lại luôn đứng trước từ mà nó bỏ nghĩa. Nếu như *quá* và *lắm* có nghĩa cảm thán rất rõ ràng thì *rất* lại mang nghĩa trung hòa, thường được dùng nhiều hơn trong các câu kể, câu tường thuật, câu khẳng định, trong văn viết, trong các văn bản thuộc phong cách chính luận và phong cách khoa học.

## 2.2. Về khả năng kết hợp

2.2.1. *Kết hợp với tính từ*: Nhóm từ *rất – quá – lắm* kết hợp với hầu hết các tính từ, chỉ trừ những tính từ mang sẵn trong bản thân nó nét nghĩa mức độ. Tính từ chỉ mức độ cao hay thấp thì không có khả năng kết hợp với nhóm từ chỉ mức độ này. Ví dụ: *xanh ngắt, béo ngậy, vùn vụt, thoăn thoắt, san sát, chậm chạp, se sẽ, ...* Còn các tính từ có nét nghĩa mức độ trung hoà thì kết hợp được.

2.2.2. *Kết hợp với động từ*: Những động từ chỉ trạng thái tinh thần, tình cảm thì có khả năng đứng trước hoặc sau từ chỉ mức độ *rất – quá – lắm*, ví dụ: *thích, muốn, yêu, ghét, lo, sợ, tức giận, mong, mắc cỡ, thân mật, hoan nghênh, thắc mắc, băn khoăn, ...*

2.2.3. *Các kết hợp khác*: *Lắm* có thể xuất hiện ở cuối và *rất* thì xuất hiện ở đầu những cách nói phủ định “*không ... lắm*”, “*rất không ...*”, trong khi *quá* thì không được. “*Không ... cho lắm*” thường được dùng với nghĩa giảm nhẹ hơn và dè dặt hơn. *Quá* và *lắm* đều có thể xuất hiện trước danh từ, như một động từ, với nét nghĩa “*vượt ra ngoài một giới hạn quy định hay một điểm làm mốc*”, ví dụ như cách nói “*Lắm mới tối năm không*”.

## 3. Các kết hợp khác cũng biểu thị ý nghĩa mức độ

### 3.1. Nhóm kết hợp dùng từ *phẩm định*

Từ phẩm định trong các kết hợp này có thể đại diện cho một khả năng tuyệt đối, một mức độ và số lượng lớn đến mức không tả được hay đếm được, không xác định được.

#### 3.1.1. *Bao nhiêu*

- *Khả năng kết hợp trong câu*

(biết) *bao nhiêu* + danh từ (1)

tính từ (đơn tiết và song tiết) + (biết) *bao nhiêu* (2)

động từ trạng thái + danh từ bổ nghĩa + (biết) *bao nhiêu* (3)

Trong trường hợp (1), *bao nhiêu* có nghĩa tương đương *rất nhiều*; trong trường hợp (2) và (3), *bao nhiêu* có nghĩa tương đương *quá*.

Trong trường hợp (1), *bao nhiêu* không thể thay bằng *mấy*, nhưng trường hợp (2) và (3) thì có thể.

- Ý nghĩa

Đặc biệt, danh từ chỉ thời gian thường chỉ đi với kết hợp (1), thể hiện một khoảng thời gian dài. Kết hợp này thường nằm trong câu mô tả một sự tình có thay đổi hay phụ thuộc vào khoảng thời gian đó.

Ví dụ:

(1) Con gái lớn *bao nhiêu* năm xa cách trở về thành đạt.

(2) Thời gian thêm *bao nhiêu* điều thay đổi, anh Ngọ nhỉ?

Kết hợp (2) và (3) biểu hiện mức độ hay số lượng lớn đến mức không tả được hay đếm được, không thể xác định nhưng đáng kể.

Ví dụ:

(3) Đẹp *biết bao* những con người đã hy sinh vì Tổ Quốc!

*Bao nhiêu* cũng được dùng trong câu có ý phủ định, “*không/chẳng .... bao nhiêu*” giống như trường hợp của *lắm*.

Ví dụ:

(4) Một năm, Hà Nội *chẳng* khác *bao nhiêu*.

### 3.1.2. Đường nào/này/ấy

- Khả năng kết hợp trong câu

tính từ (song tiết và đơn tiết) + (biết) *đường nào/đường này/đường ấy*

động từ trạng thái + danh từ bổ nghĩa + (biết) *đường nào*

- Ý nghĩa

Các kết hợp này có nghĩa tương đương *chừng nào/này/ấy*, chỉ mức độ có tính chất hay mức độ đại khái như vậy. *Đường này/đường ấy* tương đương *thế này/như thế*. Còn *đường nào* tương đương *bao nhiêu*.

Ví dụ:

(5) Nghĩa nặng *đường ấy*, làm sao mà quên được.

(6) Tình thương ấy lớn lao *biết đường nào*.

### 3.1.3. Xiết bao

- Khả năng kết hợp trong câu

tính từ (đơn tiết và song tiết) + *xiết bao*

*xiết bao* + tính từ (đơn tiết và song tiết)

tính từ (đơn tiết và song tiết) + không kể/đếm/chịu ... + *xiết*

- Ý nghĩa

Nghĩa trực tiếp của *xiết* là “*chuyển động mạnh và nhanh, áp sát vào bề mặt*”. Trong kết hợp này, cái được biểu thị là mức độ không thể nói hết, đến hết, đến cùng.

Ví dụ:

(7) *Đi bên anh, tôi hạnh phúc xiết bao.*

Hay các cách nói: mừng *không kể xiết*, khổ *không chịu xiết*, nhiều *không đếm xiết*, ...

### 3.2. Nhóm kết hợp dùng các yếu tố có tín hiệu hiện thực

Trong các kết hợp này, do tác động của những từ mang nét nghĩa hiện thực, mức độ của sự vật được khẳng định không nghi ngờ, và có tính thừa nhận trong lời nói.

#### 3.2.1. Thật

- Khả năng kết hợp trong câu

*thật* + tính từ (đơn tiết và song tiết) (1)

tính từ (đơn tiết và song tiết) + *thật* (2)

- Ý nghĩa

Kết hợp (1) mô tả mức độ của một hành động hay một trạng thái, với ý nghĩa trực tiếp hơn, thực tế hơn. Đây thường là sự vật hay mức độ được nhìn thấy rõ, không phải nghi ngờ. Kết hợp (2) có thêm ý thừa nhận, khẳng định về điều mình nói của người nói, và câu nói có tính trao đổi thông báo.

Ví dụ:

(8) *Tôi hắt xì hơi một cái thật mạnh.*

(9) Thế thì con b nó giỏi *thật!*

(10) Đi đâu nàng ăn mặc cho thật gọn gàng đẹp đẽ, cái khăn vuông thất thế nào cho *thật* xinh.

### 3.2.2. *Như thế thế này*

- *Khả năng kết hợp trong câu*

tính từ (đơn tiết và song tiết) + *thế này như thế*

động từ trạng thái + danh từ bổ ngữ + *thế này/như thế*

- *Ý nghĩa*

Kết hợp này chỉ sự ngạc nhiên khi nhận thức ra mức độ cao của một thuộc tính trực tiếp tác động đến mình hoặc của một trạng thái tình cảm của bản thân mình. Kết hợp này khi nói thường có liên quan đến ngữ huống, thường mô tả tình trạng trực tiếp ngay trong thời điểm nói, vì *thế* là một đại từ thay thế cho điều vừa được nói, sắp nói hay đang là thực tế trước mắt.

Ví dụ:

(11) Chị đập hai bàn tay vào nhau: “Lạnh *thế này* bé chịu nổi không?”

(12) Vì tôi không tin khi người ta có một gia đình hạnh phúc *như thế*, người ta lại có thể chối bỏ nó được.

(13) Chúng mày xem, ông chủ yêu quý tao *thế* chứ, làm tao khác hẳn với những con chó khác.

### 3.2.3. *Hẳn*

- *Khả năng kết hợp trong câu*

tính từ (đơn tiết và song tiết) + *hẳn* + đi / lên

- *Ý nghĩa*

Có tính chất như động ngữ, khi có *hẳn*, kết hợp này khẳng định dứt khoát về mức độ thay đổi cao và khá bất ngờ, không cần phải nghi ngờ về tính sự thật.

Ví dụ:

(14) Nhà vắng vẻ *hẳn* vì không có nó lùn cũn đi lục lạo mọi ngõ ngách căn nhà.

(15) Con đường rộng *hắn* ra.

### 3.2.4. Rõ

- *Khả năng kết hợp trong câu*

*rõ* + tính từ (đơn tiết và song tiết)

- *Ý nghĩa*

Kết hợp này ngoài việc chỉ những biểu hiện cụ thể tường tận và phân biệt được, còn dùng để chê trách người khác hay chính mình, với mức độ người nói cho là thấy rõ vì hơn hẳn bình thường. Kết hợp “*tính từ + đi lên + thấy rõ*” cũng có nghĩa tương đương như “*tính từ + hẳn + đi/lên*”. Khẩu ngữ cũng thường dùng mẫu câu “*rõ + đáng ...*”

Ví dụ:

(16) Cậu *rõ* đáng ghét.

(17) *Rõ* khéo, thư riêng của chị ấy mà lại đòi xem.

(18) *Rõ* đúng là đã gặp may chó có đi tìm cái may khác.

(19) Anh ta dậy *rõ* sớm.

(20) Mọi vật đẹp lên thấy *rõ*.

### 3.2.5. Đầy

*Khả năng kết hợp trong câu*

Cũng có hai khả năng kết hợp trong câu như trường hợp *bao nhiêu*, chỉ khác một điều là *đầy* luôn phải kết hợp với tính từ song tiết:

*đầy* + danh từ (1)

*đầy* + tính từ (song tiết) / động từ (song tiết) (2)

*Ý nghĩa*

Trong trường hợp (2), kết hợp này có tính chất như một tính ngữ, chỉ trạng thái, mức độ hay số lượng nhiều và có ở khắp nơi, có liên quan đến không gian và khả năng chứa đựng. Trong trường hợp (1), việc mô tả chỉ dành cho những sự vật cụ thể, nhưng ý nghĩa này đã được phát triển qua mức độ trừu tượng trong (2).

Ví dụ:

(21) Sao gà vịt đầy bàn, sâm banh đầy cốc mà chủ khách ngồi ủ rũ...

(22) Anh có những câu triết lý về đời đầy thông minh.

(23) Cái nhìn của ông đầy giận dữ.

(24) Mái tóc dài để xa che khuất gương mặt tròn và nụ cười buồn nhưng đầy quyến rũ.

### 3.3. Nhóm kết hợp dùng các yếu tố có tính hiệu nghĩa tuyệt đối

Vì dùng những từ có nét nghĩa tuyệt đối, nhóm kết hợp này biểu thị mức độ hoàn toàn triệt để, vì vậy thường có tính so sánh ở mức độ cao nhất.

#### 3.3.1. Tuyệt

- Khả năng kết hợp trong câu

tuyệt + tính từ (đơn tiết)

tính từ (đơn tiết) + tuyệt

- Ý nghĩa

Kết hợp này chỉ mức độ hoàn toàn triệt để, không còn gì hơn, thường nó có tính so sánh vì có nghĩa tuyệt đối. Kết hợp này chỉ tính tích cực, hay, tốt, tạo cảm giác thích thú. Tính từ trong kết hợp này thường có ý nghĩa tích cực.

Ví dụ:

(25) Đó là một cú chia tay *tuyệt* đẹp với đời sống này.

(26) Cơ ấy hát hay *tuyệt*.

#### 3.3.2. Hết mực/cực kỳ/vô cùng/hết sức/hết sảy/hết ý

*Hết mực* đứng trước hoặc sau tính từ song tiết, thường chỉ những phẩm chất tốt đẹp của con người. *Hết sảy*, *hết ý* đứng sau tính từ, thường dùng trong khẩu ngữ và có tính tích cực. *Cực kỳ*, *vô cùng*, *hết sức* đều có thể đứng trước hay sau tính từ song tiết, diễn tả những mức độ ở điểm cùng cực, nghĩa là rất cao.

Ví dụ:

(27) Đó là một con người giản dị *hết mực*.



(28) Món này ngon *hết ý*.

(29) Vì vậy, công tác bổ túc văn hóa là *cực kỳ cần thiết*...

(30) Họ làm việc trong điều kiện *hết sức* khó khăn.

(31) Đẹp *vô cùng* Tổ Quốc ta ơi!

### **3.4. Nhóm kết hợp dùng các yếu tố có tín hiệu nghĩa khác thường (như một biện pháp nói nghịch)**

Các kết hợp trong nhóm này dùng những từ có nét nghĩa khác thường, trái ngược, tạo ra hiệu ứng ngược cho người nghe có cảm giác mức độ cao quá mức bình thường cho phép. Ngoài những kết hợp kể bên dưới, trong thực tế nói năng, ta còn gặp các kiểu nói như “*hơi bị... , ... dễ sợ/thấy sợ/hết hồn/thấy ghê*”.

#### **3.4.1. Kinh khủng**

- *Khả năng kết hợp trong câu*

tính từ (đơn tiết và song tiết) + *kinh khủng*

động từ trạng thái + danh từ bổ ngữ + *kinh khủng*

- *Ý nghĩa*

Kết hợp này chỉ ra mức độ vượt quá ngưỡng bình thường mà khả năng chấp nhận được hay chịu đựng được.

Ví dụ:

(32) Anh trần tục *kinh khủng*.

(33) Trời nóng *kinh khủng*.

#### **3.4.2. Lạ**

- *Khả năng kết hợp trong câu*

tính từ (đơn tiết và song tiết) + *lạ*

động từ trạng thái + danh từ bổ nghĩa + *lạ*

- *Ý nghĩa*

Kết hợp này chỉ mức độ cao khác thường, rất đáng ngạc nhiên vì nó ít khi xảy ra. Thường kết hợp này đi với các động từ chỉ trạng thái tinh thần có nghĩa tích cực.

Ví dụ:

(34) Dưới ánh đèn vàng, mặt anh đẹp và dịu dàng *lạ*.

(35) Mỗi lần làm xong một bài thơ, thầy lại đọc riêng cho tôi nghe, vào những lúc nghỉ tiết, với vẻ say mê *lạ* thường.

### 3.4.3. *Chết*

- *Khả năng kết hợp trong câu*

tính từ (đơn tiết và song tiết) + *chết* (đi được)

động từ trạng thái + danh từ bỏ nghĩa + *chết* (đi được)

- *Ý nghĩa*

Kết hợp này dùng hạn chế trong khẩu ngữ, thường diễn tả những tình trạng tinh thần hay tình cảm bất ổn, không thể chịu đựng, không thể chịu tác động, gần như lâm vào trạng thái mất khả năng hoạt động.

Ví dụ:

(36) Luôn năm hôm đến mua cúc năm lần. Chắc nó ngờ, ngượng *chết*!

(37) Tức cười *chết* đi hai cậu ạ.

### 3.4.4. *Tệ*

- *Khả năng kết hợp trong câu*

tính từ (đơn tiết và song tiết) + *tệ*

- *Ý nghĩa*

Kết hợp này thường chỉ mức độ là xấu, có hại, và khó chấp nhận.

Ví dụ:

(38) Nó học dốt *tệ*.

(39) Thời tiết xấu *tệ*.

### 3.4.5. *Ghê*

- *Khả năng kết hợp trong câu*

tính từ (đơn tiết và song tiết) + *ghê* + (nơi bị tác động)

động từ trạng thái + danh từ bỏ nghĩa + *ghê*

- Ý nghĩa

Kết hợp này chỉ mức độ khác thường, đáng phải nể phục, tác động mạnh đến cảm giác và nhận thức, khi cảm giác thần kinh bị kích thích vì một biến động bên ngoài nhưng tác động trực tiếp vào khi tiếp xúc.

Ví dụ:

(40) Ghét ghê!

(41) Bà ấy giàu ghê!

Hay các cách nói: chua ghê răng, lạnh ghê xương, buồn ghê hồn, đẹp ghê người,...

### 3.5. Nhóm kết hợp dùng các kết cấu cố định

Các kết cấu cố định ở đây được dùng thường xuyên và ổn định khi xây dựng câu mô tả về mức độ. Đó có thể là vị từ, ngữ vị từ, ngữ giới từ, hay là câu.

#### 3.5.1. Không chịu nổi/được

- Khả năng kết hợp trong câu

tính từ (đơn tiết và song tiết) + không chịu nổi/được

động từ trạng thái + danh từ bổ ngữ + không chịu nổi/được

- Ý nghĩa

Kết hợp này chỉ mức độ cao khi phải tiếp nhận một tác động quá mức tinh thần cho phép, thường là điều không có lợi.

Ví dụ:

(42) Đó là câu thứ ba duy nhất mà nó có thể nói được kể từ khi nó biết nói tới nay, nghe thương không sao chịu nổi.

(43) Nó bảo “đẹp quá” nghe tức không chịu được.

#### 3.5.2. Đến nỗi/đến mức

- Khả năng kết hợp trong câu

tính từ (đơn tiết và song tiết) + đến nỗi + ngữ

động từ trạng thái + danh từ bổ nghĩa + đến nỗi + ngữ

- Ý nghĩa

Kết hợp này chỉ mức độ cao, ít nhiều gây ngạc nhiên của một tình trạng, một tình hình có thể đưa đến hậu quả không bình thường và có hại.

Ví dụ:

(44) Thầy lang già, già lắm, già *đến nỗi* phải sờ soạng mới tìm thấy tay bệnh nhân để bắt mạch.

(45) Vì đường từ Pháp đến Đông Dương xa quá, xa *đến nỗi* sang được tới đó thì cán cân đã mất thăng bằng...

(46) Nó lên tiếng quát to *đến nỗi* con sợ quá chẳng còn biết chạy đi đâu.

### 3.5.3. Cho lắm vào

- Khả năng kết hợp trong câu

tính từ (đơn tiết và song tiết) + *cho lắm vào*

động từ trạng thái + *cho lắm vào*

- Ý nghĩa

*Cho* thường nằm trong kết hợp “*động từ + cho + mục đích, mức độ mà hành động đó muốn đạt đến*”, ví dụ: *nói cho cùng, học cho giỏi, ăn cho mập*. Trong trường hợp kết hợp với tính từ, cách nói này có tính chê trách vì một mức độ cao quá sự cho phép, có thể có hậu quả.

Ví dụ:

(47) Giàu *cho lắm vào*!

(48) Đẹp *cho lắm vào* thì cũng đi đòi nhà ma.

(49) Vui *cho lắm vào* rồi lại thiếu cái ăn.

#### 1.1.1. Sao mà ... (thế)? ... gì mà ... (thế)?

- Khả năng kết hợp trong câu

*sao mà ... + tính từ (đơn tiết và song tiết) + thế?* (1)

tính từ + *sao* (2)

... tính từ (đơn tiết và song tiết) + *gì mà + tính từ + thế?* (3)

danh từ + *gì mà + tính từ (thế)* (4)

- Ý nghĩa

Kết hợp (1) biểu thị ý ngạc nhiên trước một mức độ cảm thấy không bình thường, và như tự hỏi nguyên nhân tại sao có thể có sự quá mức như vậy. Ý nghĩa này có thể do liên từ “mà” biểu thị điều trái lẽ thường.

Ví dụ:

(50) *Sao mà trông anh buồn thế?*

(51) Ngày vui *sao mà* ngắn ngủi *thế?*

Kết hợp (2) nhấn mạnh mức độ ngạc nhiên và thán phục, với tính từ có nét nghĩa tích cực.

Ví dụ:

(52) Đồng lúa mướt mà *sao!*

Trong trường hợp (3), kết hợp này nằm trong câu biểu cảm, xen một tính từ với hình thức lặp của nó, nhằm nhấn mạnh mức độ ngạc nhiên.

Ví dụ:

(53) Nhà ấy giàu *gì mà* giàu *thế?*

(54) Dại *gì mà* dại không biết!

Trong trường hợp (4), kết cấu chỉ sự chệch bại, phủ định một hạng, một loại nào đó có tính chất vượt quá mức độ bình thường cho phép.

Ví dụ:

(55) Bàn ghế *gì mà* ọp ẹp *thế* không biết!

## 4. Kết luận

**4.1.** Hội thoại là một dạng hoạt động ngôn từ được dạy để rèn luyện thói quen dùng. Các kết cấu được trình bày trong tình huống khiến cho người học ghi nhớ lâu. Trong giáo trình dạy tiếng hoặc trong quá trình dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ, các lời đối thoại, các kết hợp thường dùng trong đối thoại nên được đặt theo một chủ đề giao tiếp, theo một hoàn cảnh giao tiếp cụ thể, để chúng định vị vững chắc trong óc người học, để họ biết cách sử dụng và sử dụng được ngay.

**4.2.** Một thực tế thường gặp là người học tiếng Việt như một ngoại ngữ đôi khi không nói được và nghe hiểu được những câu đơn giản và thiết thực trong đời sống hàng ngày. Việc làm rõ các đặc điểm về ý nghĩa, về khả năng kết hợp và chức năng sử dụng của các kết hợp chỉ mức độ này, chẳng những giúp ta hiểu rõ về sự phong phú của tiếng Việt mà còn góp phần cho việc giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài có hiệu quả hơn. Đó cũng là tham vọng của chúng tôi. Tuy nhiên, vì thời gian và giới hạn của đề tài, trên đây tạm thời chỉ là những thống kê và miêu tả cơ bản các kết hợp biểu thị mức độ, xuất phát từ góc độ thực hành tiếng.

**Ghi chú:** Các ví dụ trong bài được trích từ tài liệu tham khảo (6), (7), (10), (11) và (12).

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đái Xuân Ninh, *Ngôn ngữ điệu kỳ của chủ tịch Hồ Chí Minh* (1990), NXB Tuyên huấn, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Đinh Lê Thu, “Cách sử dụng các phó từ chỉ mức độ: rất – quá – lắm, hơi – khá”, *Kỷ yếu “Tiếng Việt như một ngoại ngữ”* (1995), NXB Giáo dục.
3. Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt* (1996), NXB Đà Nẵng và TT Từ điển học.
4. Hoàng Trọng Phiến, “Tiếng Việt với việc dạy tiếng Việt”, *Kỷ yếu “Tiếng Việt như một ngoại ngữ”* (1995), NXB Giáo dục.
5. Hoàng Trọng Phiến, “Dạy tiếng Việt theo thói quen dùng”, *Kỷ yếu “Tiếng Việt và việc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài”* (1997), NXB ĐHQG Hà Nội.
6. Khải Hưng và Nhất Linh, *Anh phải sống* (1999). NXB Văn nghệ TP HCM.
7. Lev Tolstoi (Người dịch *Thúy Toàn*), *Kiến và chim bồ câu* (1993), NXB Văn học, HN.
8. Nguyễn Kim Thân, *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt* (1997), NXB Giáo dục.
9. Nguyễn Tài Cẩn, *Ngữ pháp tiếng Việt, tiếng – từ ghép – đoạn ngữ* (1981), NXB ĐH&THCN.

10. Nguyễn Thị Châu Giang, *Cuộc chơi* (1999), NXB Trẻ.
11. Nhiều tác giả, *Đời cười* (1999), NXB Văn nghệ TP HCM.
12. Phan Triều Hải, *Có một người nằm trên mái nhà* (1997), NXB Hội nhà văn.

(Bài đã đăng trong *Kỷ yếu Tiếng Việt và Việt Nam học cho người nước ngoài*, Khoa Việt Nam Học, NXB ĐHQG HN, 2003, trang 295-307)